

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023- 2024

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	56/56 trẻ thực hiện tốt chương trình GDMN theo độ tuổi 24- 36 tháng	279/279 trẻ thực hiện tốt chương trình GDMN theo độ tuổi
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	97%	97%
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100%	100%
3	Chất lượng giáo dục trẻ	90%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	92%	96%

Tiên Thanh, ngày 26 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)


HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Bắc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế, thời điểm hết học kỳ II năm học 2023- 2024

T T		Kết quả thực tế đạt được trong năm học (tháng 5/2024)											
		Toàn trường				Trong đó chia ra							
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo					
					3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
1		Nội dung		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	100	108%	0	0	77	88	105	89
2		Huy động trẻ		359	100	0	0	0	0	77	88	105	89
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		359	100	0	100%	0	0	77	88	105	89
3		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ		349	97,2	100%	0	0	74	87	102	86	
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		345	96,1		0	0	70	86	101	88	
3		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ		5	1,4		0	0	3	1	0	1	
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		14	3,9		0	0	7	2	4	1	
3		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ		3	0,8		0	0	1	0	1	1	
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		5	1,4		0	0	0	0	3	2	
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		0	0		0	0	0	0	0	0	
3		Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ		359	100	100	100	0	0	77	88	105	89

T T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học (tháng 5/2024)											
		Toàn trường			Trong đó chia ra								
		Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt	Nhà trẻ				Mẫu giáo				
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi			
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần	Đánh giá	334	93,0			0	0	70	81	98	85
			Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"	343	95,5	100%				71	85	101	86
			Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"	16	4,5					6	3	4	3
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"	0									
			Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	89	100								89
				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tiên Thanh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Bắc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023- 2024

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	1,8m2/trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.950	8,75m2/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.110	3,29m2/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	54	1,8m2/trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Dùng chung	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12	0,4m2/trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	10	0,33m2/trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40,8	0,12m2/trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	110m2	3,1m2/trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	5 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bập bênh		4
2	Cầu gôn bóng đá		2
3	Sân khấu múa rối, kịch		1
4	Bộ đèn báo giao thông		1
5	Bộ đồ chơi cà kheo		15
6	Cầu khí		2
7	Bộ chơi vận động(bước ô, ném bóng lưới)		2

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)		
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	4	8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
XVI	Nhà bảo vệ	x	

Tiên Thanh, ngày 02 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Bắc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	0	23	3	6	1	0	8	17	0	19	13	1	0
I	Giáo viên	22	0	0	20	1	1	0	0	5	17	0	13	8	1	0
1	Nhà trẻ	5	0	0	5	0	0	0	0	0	5	0	4	3	0	0
2	Mẫu giáo	17	0	0	15	1	1	0	0	5	12	0	9	5	1	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
III	Nhân viên	8	0	0	0	2	5	1	0	0	0	0	3	5	0	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
5	Nhân viên nuôi dưỡng	7	0	0	0	1	5	1	0	0	0	0				
6	Nhân viên khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
..	..															

Tiên Thanh, ngày 2 tháng 5 năm 2024

Hiệu trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Bắc

THÔNG BÁO
Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong
năm học 2023- 2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng 10	CBGVNV	34	Chữ ký số	Tập huấn chuyên môn tại trường	
2	Tháng 11	Hiệu trưởng; PHT; KT kiêm VT	4	Chữ ký số văn bản	Trực tuyến	

Tiên Thanh, ngày 02 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Bắc